

CHU VĂN TUẤN*

**MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO
TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945:
BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI¹**

Tóm tắt: Trên cơ sở nghiên cứu các nguồn tài liệu, bài viết trình bày những đóng góp của một số tổ chức và cá nhân Phật giáo, Công giáo ở Việt Nam đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945. Từ đó, bài viết rút ra một số bài học lịch sử và ý nghĩa hiện thời, như bài học về tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; bài học về đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò, giá trị và nguồn lực tôn giáo, ... Sự đóng góp, ủng hộ của tôn giáo đã góp phần mang đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là bài học lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới, rất cần phát huy mọi nguồn lực cho sự phát triển đất nước thì vai trò, giá trị, nguồn lực tôn giáo càng không thể bỏ qua.

Từ khóa: Nguồn lực tôn giáo, Cách mạng tháng Tám, bài học lịch sử, ý nghĩa, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 07/9/2025, ngày phản biện: 18/9/2025, ngày duyệt đăng: 07/11/2025.

Mở đầu

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một dấu mốc vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ thực dân phong kiến và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây không chỉ là thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, mà còn là kết quả của việc huy động sức mạnh tổng hợp từ mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các tổ chức, cá nhân tôn giáo.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, các tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo... không chỉ đóng vai trò như là những thiết chế văn hoá, thiết chế tín ngưỡng, tôn giáo, phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần của người dân, mà còn là những cộng đồng, lực lượng có sự ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống chính trị - xã hội. Nhiều tổ chức, cá nhân tôn giáo ý thức rất rõ về vai trò, trách nhiệm đối với vận mệnh dân tộc, tham gia tích cực vào các phong trào đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, mang lại hạnh phúc cho người dân. Từ góc độ của mình, các tổ chức và cá nhân tôn giáo đã có nhiều đóng góp như tuyên truyền tư tưởng yêu nước, kêu gọi chức sắc, tín đồ ủng hộ cách mạng, quyên góp sức người, sức của cho lực lượng cách mạng

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: chuantuan0207@gmail.com.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Nhà nước (2025-2027): “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực tín ngưỡng tôn giáo phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới”. Mã KX. 03.08/21-30 do TS. Nguyễn Văn Quý làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

và các phong trào cách mạng, bảo vệ cách mạng, bảo vệ các lãnh tụ của phong trào cách mạng, tích cực xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Việc nghiên cứu vai trò, đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo đối với Cách mạng tháng Tám không chỉ góp phần khẳng định sự thật lịch sử khách quan, mà còn góp phần làm rõ hơn mối quan hệ giữa tôn giáo và cách mạng trong tiến trình giải phóng dân tộc, đồng thời, qua nghiên cứu này, có thể rút ra bài học kinh nghiệm làm cơ sở để tiếp tục phát huy giá trị, vai trò của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Tuy vậy, cho đến nay, chưa có nhiều bài viết đề cập đến nội dung này, đa số các bài viết đều tập trung vào những đóng góp của các tôn giáo đối với cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Đề cập đến những đóng góp của Phật giáo và Công giáo giai đoạn trước và trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 thì chưa có các công trình riêng biệt. Nội dung này được đề cập rải rác trong các công trình về lịch sử Phật giáo, Công giáo. Có thể nêu một số công trình tiêu biểu như sau: Nguyễn Hồng Dương (chủ biên, 2020), *Linh mục Phạm Bá Trục và đường hướng Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)*; Lê Tâm Đắc (2008), *Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX*; Đỗ Quang Hưng (2003), *Cách mạng và tôn giáo*; Đỗ Quang Hưng (2010), *Công giáo và cách mạng (1945-1954): bài học lịch sử và ý nghĩa của nó*; Bùi Thị Thu Hà (2002), *Những đóng góp của tín đồ Phật giáo Hoà Hảo trong hai cuộc kháng chiến chống pháp và chống Mỹ (1945-1975)*; Trương Quế Phương (2002), *Người Công giáo Nghệ - Tình với dân tộc*; Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận, toàn tập (1,2,3)*; Hồ Khang (2015), *Đồng bào Công giáo Việt Nam với Cách mạng tháng Tám 1945*; Thích Thọ Lạc, Chu Văn Tuấn (đồng chủ biên, 2022), *Bác Hồ với Phật giáo*;... đây cũng là những công trình mà bài viết tham khảo.

Bài viết này dựa trên các tài liệu thứ cấp để phân tích và trình bày về một số đóng góp của các tổ chức và cá nhân Phật giáo, Công giáo tiêu biểu đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc mà đỉnh cao là Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nói cách khác, phạm vi thời gian bài viết đề cập là từ thời điểm ngày 02/9/1945 trở về trước, phong trào cách mạng và cuộc kháng chiến chống Pháp sau năm 1945 không thuộc phạm vi của bài viết này. Tuy nhiên, trong một số phân tích, để nhấn mạnh tính tiếp nối, hệ quả những đóng góp của Phật giáo, Công giáo bài viết có thể liên hệ sau thời điểm này. Khái niệm “đóng góp của tôn giáo” trong bài viết được thao tác trên các phương diện: đóng góp của tổ chức, cá nhân tôn giáo (trong bài viết là Phật giáo và Công giáo) thông qua các hoạt động cung cấp nguồn lực vật chất, tinh thần, nguồn nhân lực cho cách mạng.

1. Khái quát chung về tôn giáo ở Việt Nam giai đoạn Cách mạng tháng Tám

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, với sự hiện diện của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, sự hình thành và phát triển nhanh chóng của các tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam,... Tôn giáo đã trở thành một bộ phận không thể tách rời trong đời sống tinh thần và văn hóa của người dân Việt Nam, đồng thời,

có ảnh hưởng sâu rộng đến các phương diện của đời sống xã hội. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, chính quyền thực dân đã thi hành chính sách lợi dụng tôn giáo để phục vụ mục tiêu cai trị. Với Phật giáo, một tôn giáo có truyền thống lâu đời ở Việt Nam, thực dân Pháp áp dụng chính sách phân hóa và kiểm soát chặt chẽ tăng, ni, khống chế việc tổ chức giáo hội và can thiệp vào các hoạt động Phật sự. Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam rơi vào khủng hoảng, suy thoái, bởi vậy phong trào *Chấn hưng Phật giáo* đã diễn ra trên khắp ba miền nhằm phục hưng Phật giáo. Trong bối cảnh cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, nhiều nhà sư và cơ sở Phật giáo đã trở thành nơi che giấu, nuôi dưỡng cán bộ cách mạng và tổ chức hoạt động yêu nước. Như nhận định của Giáo sư Trần Văn Giàu, nhiều nhà sư yêu nước đã đứng về phía dân tộc, chống lại thực dân và phong kiến.

Công giáo, du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVI và phát triển mạnh dưới thời Pháp thuộc, cũng chịu sự kiểm soát của cả Tòa thánh Vatican và chính quyền bảo hộ Pháp. Năm 1945, Công giáo ở Việt Nam có khoảng 1,6 triệu người, 15 giáo phận, 330 linh mục người nước ngoài, 1.400 linh mục Việt Nam (Đỗ Quang Hưng, 2010: 3-4). Tuy có những cá nhân, bộ phận chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng thân Pháp, nhưng cũng xuất hiện không ít trí thức và giáo dân Công giáo mang tinh thần yêu nước, tiêu biểu như linh mục Phạm Bá Trục,... Họ không chỉ lên tiếng phản đối chính sách áp bức, mà còn trực tiếp tham gia Mặt trận Việt Minh, góp phần vào khởi nghĩa giành chính quyền ở nhiều địa phương.

Đặc biệt, các tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài (ra đời năm 1926) và Phật giáo Hòa Hảo (ra đời năm 1939) không chỉ mang màu sắc tín ngưỡng, mà còn thể hiện khát vọng canh tân xã hội và giải phóng dân tộc. Với lực lượng tín đồ đông đảo tại Nam Bộ, hai tôn giáo này đã nhanh chóng trở thành một lực lượng xã hội có sức thu hút và ảnh hưởng lớn. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, một số bộ phận trong các tổ chức này đã thiết lập mối quan hệ với Việt Minh, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng phát triển tại vùng nông thôn Nam Bộ. Bên cạnh đó, còn có các tôn giáo nội sinh khác như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam... góp phần tạo nên bức tranh tôn giáo đa dạng của Nam Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung.

Tóm lại, tình hình tôn giáo ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám là bức tranh đa dạng, phức tạp với những mâu thuẫn, khủng hoảng. Dù chịu nhiều tác động từ chính sách thực dân và sự phân hóa nội bộ, các tôn giáo ở Việt Nam vẫn có những đóng góp tích cực cho phong trào yêu nước và cách mạng, tạo tiền đề cho sự tham gia sâu rộng hơn của các tổ chức và cá nhân tôn giáo trong cao trào Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Đóng góp của một số tổ chức và cá nhân Phật giáo, Công giáo đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945

2.1. Đóng góp của một số tổ chức và cá nhân Phật giáo

Phật giáo là tôn giáo có truyền thống gắn bó, đồng hành với dân tộc. Trong suốt quá trình du nhập và phát triển ở Việt Nam hơn 2000 năm qua, Phật giáo đã có nhiều đóng góp to lớn đối với dân tộc. Nhiều triều đại phong kiến Việt Nam đã phát huy vai trò của Phật giáo

trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nhiều nhà sư Việt Nam đã được các triều đại phong kiến ban danh hiệu Quốc sư, được giữ những trọng trách trong triều đình do có những đóng góp to lớn đối với sự phát triển của đất nước. Vai trò và đóng góp của Phật giáo Việt Nam lại tiếp tục được phát huy trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng như giai đoạn cách mạng sau này.

Giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám, vào khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX Phật giáo đã tham gia tích cực trong phong trào Cần vương chống Pháp, nhiều nhà sư, phật tử, nhiều ngôi chùa đã trở thành cơ sở cách mạng. Chẳng hạn, chùa Châu Quang (xã Mạch Lũng, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội) là nơi cất giấu tài liệu của các nhà sư chống lại triều đình phong kiến dưới thời vua Tự Đức; chùa Ngọc Long Động (nay thuộc Chương Mỹ, Hà Nội) là nơi quy tụ các nhà yêu nước từ Nghệ Tĩnh ra Bắc, nơi căn cứ xuất phát của những hoạt động chống Pháp; chùa Núi Cấm (An Giang) là nơi tập hợp lực lượng để tổ chức cuộc khởi nghĩa chống Pháp năm 1916; chùa Tam Bảo ở Rạch Giá là nơi hoạt động của các nhà yêu nước những năm 40 của thế kỷ XX; chùa Đồng Kỵ (Bắc Ninh) là cơ sở hoạt động cách mạng của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam những năm 40, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (Nguyễn Tài Thư, 1988: 419-420). Một trong những sự kiện thể hiện rõ sự tham gia của Phật giáo đó là cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ, ông là đệ tử của một vị tăng sỹ có lòng yêu nước. Cuộc khởi nghĩa diễn ra năm 1898, sau khi một cuộc họp diễn ra tại chùa Từ Quang vào năm 1897, có sự tham gia của nhiều tăng sỹ, phật tử và Trần Cao Vân (Nguyễn Lang, 2014: 780). Mặc dù, cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng có tiếng vang rất lớn, tạo nên một hiệu ứng tích cực đối với các tăng, ni, phật tử và Phật giáo Việt Nam.

Tiếp đến, phong trào *Chấn hưng Phật giáo* xuất hiện từ những năm 20 của thế kỷ XX, bên cạnh những hoạt động chinh đồn tăng già, đào tạo tăng tài, xuất bản kinh sách, xuất bản báo chí... còn có những hoạt động ủng hộ cách mạng. Nhiều bài viết trên các tạp chí Phật giáo thời kỳ chấn hưng đã thể hiện tinh thần yêu nước, chống pháp. Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* đã viết: “Pháp Âm, cũng như Tiến Hoá, phản chiếu niềm thao thức muốn đem đạo Phật làm cách mạng xã hội. Hai tạp chí này có thể gọi là tả khuynh trong phong trào Phật giáo” (Nguyễn Lang, 2014: 779). Một số tổ chức Phật giáo trong phong trào chấn hưng ngầm ủng hộ cách mạng. Chính vì vậy, “chùa Tam Bảo ở Rạch Giá bị nhân viên mật thám Pháp vây bắt, lục soát. Họ tìm được nhiều tạc đạn nội hóa và truyền đơn cách mạng. Hoà thượng Trí Thiên, hội trưởng (Hội Phật học Kiêm Tế-CVT) cùng nhiều cộng sự bị bắt bớ, tra tấn và cuối cùng bị đày ra Côn Đảo” (Nguyễn Lang, 2014: 779).

Trong giai đoạn Cách mạng tháng Tám, nhiều tổ chức, đoàn thể của Phật giáo đã được thành lập để hưởng ứng hoạt động của Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* viết: “Từ Nam ra Bắc, phật tử đủ các giới tham dự vào Cách mạng. Các đoàn thể Tăng già cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc được thành lập khắp nơi. Đoàn Tăng già cứu quốc của Phủ bộ Thuỷ Nguyên thành lập trước nhất, vào ngày 30/8/1945. Báo Đuốc Tuệ kêu gọi: Tăng Ni các hạt mau mau lập đoàn Tăng già cứu quốc, theo mục đích

mà tham gia vào công cuộc cách mạng hiện thời” (Nguyễn Lang, 2014: 901). Trong những năm trước Cách mạng tháng Tám, phong trào thanh thiếu niên phật tử ở Huế phát triển rất mạnh. Các tăng, ni, cư sỹ rất hăng hái tham gia vào các hoạt động biểu tình, tập hợp, xoá nạn mù chữ, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng (Nguyễn Lang, 2014: 902).

Sau khi thực dân Pháp tái xâm lược Việt Nam, Hội Phật giáo cứu quốc tại nhiều địa phương ở Nam Bộ đã được thành lập như Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho, Tây Ninh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá (Thích Huệ Thông, 2019: 113). Tuy nhiên, trước đó cũng đã có một số tổ chức “tiền thân” của Hội Phật giáo cứu quốc được thành lập. Các hội Phật giáo cứu quốc tại các địa phương ra đời đã có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng, đặc biệt, thổi bùng lòng yêu nước của phật tử, nhân dân, nhiều thanh niên là phật tử đã thoát ly ra bung biên tham gia kháng chiến. Các hội cũng kêu gọi quyên góp cho kháng chiến. Gắn với Hội Phật giáo cứu quốc tại các địa phương là các ngôi chùa. Nơi đây trở thành nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng, là nơi chuẩn bị cho các hoạt động cách mạng. Chẳng hạn, ngôi chùa Giác Hoàng (Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh) là một ngôi chùa tiêu biểu như vậy. Ngay từ năm 1943, chùa Giác Hoàng đã trở thành nơi hội họp của những nhà sư yêu nước và những cán bộ cách mạng. Đồng thời, ngôi chùa này cũng là một trong những hậu cứ của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại vùng Sài Gòn - Gia Định (Thích Huệ Thông, 2019: 123).

Vào tháng 8/1945, một cuộc họp của gần 100 nhà sư đại diện cho các sơn môn ở Hà Nội, Hà Đông, Hưng Yên ... do hoà tượng Thanh Thao chủ trì, có ông Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt là đại diện Việt Minh cùng tham gia, đã bàn bạc và đi đến quyết định thành lập một tổ chức Phật giáo yêu nước, lấy tên là Hội Phật giáo cứu quốc (Ngô Quốc Đông, 2022: 53). Hội là nơi tập hợp các tăng, ni, phật tử yêu nước, nguyện đi theo Việt Minh, đóng góp cho sự nghiệp cách mạng. Không chỉ đóng góp cho Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hội còn đóng góp to lớn cho cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954).

Vai trò của một số cá nhân Phật giáo tiêu biểu

Một trong những nhà sư yêu nước, tham gia cách mạng từ những giai đoạn đầu, đóng góp cho thành công của Cách mạng tháng Tám chính là sư Thiện Chiếu (1898-1974). Sư là một nhân vật quan trọng của Phật giáo Việt Nam cận đại, chủ chốt trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Trước khi chính thức tham gia cách mạng, sư đã thể hiện tư tưởng, tinh thần yêu nước, chống Pháp của mình thông qua các bài viết trên các số của tạp chí Phật học². Năm 1930 sư Thiện Chiếu gia nhập hàng ngũ cách mạng do Đảng lãnh đạo. Năm 1940, sư tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Sư cùng hoà thượng Trí Thiền cùng một số nhân vật khác lập xưởng rèn vũ khí ngay tại chùa để chống Pháp. Năm 1944, sư bị giặc pháp bắt đày ra Côn Đảo (Thích Thọ Lạc, Chu Văn Tuấn, 2022: 427-428). Tấm lòng yêu nước, những hoạt động tích cực tham gia cách mạng của sư Thiện Chiếu đã lan toả, tác động sâu sắc đến nhiều thế hệ tăng, ni cả nước, thúc đẩy sự đóng góp của Phật giáo và các cá nhân Phật giáo cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

² Chẳng hạn như tờ Phật hoá Tân Thanh niên.

Hoà thượng Thích Thế Long (1909-1985) cũng là một nhân vật Phật giáo đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Năm 1945, Ngài là Phó Chủ tịch Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Nam Định. Năm 1947, là Phó Chủ tịch Phật giáo Cứu quốc Nam Định. Năm 1951, là Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Nam Định, Ủy viên Mặt trận Liên Việt toàn quốc. Từ năm 1976 - 1980, là Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Nam Ninh và là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Ngài được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa VII và được Quốc hội cử giữ chức Phó Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Không chỉ đóng góp trực tiếp cho cách mạng, Hoà thượng Thích Thế Long còn lan toả tinh thần yêu nước, khuyến khích các tăng, ni, phật tử tham gia kháng chiến. Tại chùa Cổ Lễ (Nam Định) hoà thượng đã tổ chức cho mấy chục nhà sư “cởi áo cà sa, khoác áo chiến bào”. Trong số này, có nhiều người đã anh dũng hy sinh cho độc lập của dân tộc. Với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước đã trao tặng Hoà thượng Thích Thế Long nhiều phần thưởng cao quý, như: Huân chương Vì hòa bình, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, cùng nhiều bằng khen, giấy khen. Sự vinh danh này không chỉ dành cho cá nhân Ngài, mà còn là sự trân trọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân đối với những đóng góp to lớn của Phật giáo Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Ngôi chùa Cổ Lễ (Nam Định) nơi Hoà thượng trụ trì cũng trở thành địa chỉ nổi tiếng trong Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.

Ngoài ra, còn có rất nhiều tăng, ni Phật giáo Việt Nam đã đóng góp cho phong trào cách mạng Việt Nam từ trước cho đến khi diễn ra Cách mạng tháng Tám. Chẳng hạn, sư Hoàng Văn Hồng, trụ trì chùa Châu Quang (Sơn Tây, Hà Nội), sư Vương Quốc Chính trụ trì chùa Ngọc Long Động, Chương Mỹ, Hà Nội; sư Cao Văn Long, trụ trì chùa Núi Cấm, là linh hồn cuộc khởi nghĩa đánh vào Sài Gòn năm 1916; sư Thông Hoà, trụ trì chùa Đồng Kỵ (Bắc Ninh)...

2.2. Đóng góp của một số tổ chức và cá nhân Công giáo

Theo Linh mục Phan Khắc Từ, không phải đến khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 mới có người Công giáo tham gia chống Pháp, giành độc lập tự do cho dân tộc, mà ngay từ rất sớm nhiều người Công giáo đã có tinh thần như vậy. Nhiều người Công giáo đã tham gia các tổ chức như Quốc dân Đảng, phong trào Duy Tân, Việt Nam Quang phục hội... để đánh đuổi thực dân. Không ít người Công giáo, trong đó có những linh mục như Nguyễn Tường, Nguyễn Thần Đồng, Đâu Quang Lĩnh của giáo phận Vinh đã bị giặc Pháp bắt đi đày ở Côn Đảo. Mặc dù bị tra tấn, tù đày nhưng ba linh mục vẫn giữ vững tinh thần, ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp. Trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, có nhiều gia đình giáo dân cả nhà cùng tham gia đấu tranh, họ đã bị bắt, tù đày, tịch biên tài sản. Có những gia đình cả ba anh em đều tham gia trong đội tự vệ Đỏ bảo vệ các cuộc đấu tranh, bảo vệ thành quả của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Nhiều gia đình giáo dân đã tự nguyện nuôi giấu cán bộ hoạt động bí mật trong nhà từ năm 1930 đến năm 1945 (Trương Quế Phương, 2002: 61). Cách mạng tháng Tám đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước cháy âm ỉ trong lòng đồng bào Công giáo lâu nay. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, nhiều Giám mục như Nguyễn Bá Tòng, Lê

Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn... đã ký vào đơn gửi toà Thánh và đồng bào Công giáo thế giới đề nghị công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (dẫn theo Nguyễn Hồng Dương, 2020: 215-217).

Có thể thấy, trước thực trạng đất nước bị xâm lược, nhân dân bị áp bức những năm trước Cách mạng tháng Tám, nhiều người Công giáo đã vượt qua những rào cản, những định kiến để bày tỏ lòng yêu nước. Một số phong trào yêu nước của người Công giáo xuất hiện, một số tổ chức kháng chiến của người Công giáo được thành lập, sau đó tự nguyện đứng vào hàng ngũ của Mặt trận Việt Minh. Ở Ninh Bình, một nhóm thanh niên Công giáo đã đi vào rừng kháng chiến, đánh Pháp, đuổi Nhật (Hồ Khang, 2015). Trong số các tổ chức đoàn thể Công giáo yêu nước trước Cách mạng tháng Tám, có đoàn Công giáo cứu quốc của Trần Công Chính (xem Hồ Khang, 2015). Ở Nam Bộ, phong trào người Công giáo tham gia cách mạng, đánh đuổi giặc Pháp lan rộng. Tổ chức Việt Nam quốc gia tiến hành ra đời đã thu hút hàng ngàn thanh niên Công giáo tham gia, tạo thành một lực lượng đông đảo góp phần vào thành công của Cách mạng tháng Tám (Hồ Khang, 2015).

Trong không khí sục sôi chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám, nhiều tổ chức và cá nhân Công giáo tham gia tích cực vào các hoạt động như in truyền đơn, in khẩu hiệu, may cờ đỏ sao vàng. Ngày 19/8/1945 nhiều đồng bào Công giáo tham gia các hoạt động giành chính quyền. Tại Ninh Bình, đồng bào Công giáo tham gia cướp chính quyền ở Kim Sơn, Yên Khánh, Nho Quan,... Từ 25/8 đến 30/8/1945 đồng bào Công giáo ở Sài Gòn đã tham gia mít tinh, diễu hành, bày tỏ sự ủng hộ cách mạng, ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh. Tại Hà Nội, ngày 30/8/1945 đồng bào Công giáo khắp các giáo xứ tập trung trước nhà thờ Lớn³ tham dự mít tinh mừng nền độc lập dân tộc. Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (Giám mục Bùi Chu) đã cho phát hành tờ bán nguyệt san nhấn mạnh “đoàn kết toàn thể dân chúng Việt Nam thành một khối duy nhất để kiến thiết tổ quốc và chống giặc ngoại xâm” và “Người Công giáo chúng ta cũng có bốn phận yêu tổ quốc, không những vì tổ quốc mà còn vì Chúa của chúng ta nữa” (xem Hồ Khang, 2015). Đồng thời, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã kêu gọi mọi người hiến tặng vàng cho chính quyền cách mạng trong “Tuần lễ vàng”. Giám mục đã nói: “Ai là người có vàng, thì lúc này, không nên ăn giấu, phải đưa ra cùng nhau đắp nền độc lập cho Tổ quốc, phần tôi khi thụ phong Giám mục có một Đấng biểu cho tôi Thánh giá này và dây đeo thực là vàng. Nhưng tôi nghĩ người đời trên có giới che, dưới có đất chôn: trên phải phụng sự Thiên Chúa, dưới cũng không quên Tổ quốc, vậy trong lúc này tôi cũng vui lòng chia của quý này làm hai: Thánh giá tôi giữ để phụng sự Thiên Chúa, dây đeo tôi xin dùng để phụng sự quốc gia” (dẫn theo Ngô Quốc Đông, 2022: 68).

Ngày 02/9/1945, trong số hàng triệu người dân Việt Nam tham gia mít tinh, có hàng chục ngàn đồng bào Công giáo, có cả các chức sắc Công giáo. Trong Sứ điệp gửi Đức Giáo hoàng Pie XII (23/9/1945), Linh mục Phạm Bá Tòng đã viết: “Toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt tôn giáo, mừng lễ này với một tinh thần yêu nước chân thành và nồng nhiệt chưa từng có” (xem Hồ Khang, 2015). Cùng với Việt Minh, người Công giáo đóng vai trò tích cực trong việc giành chính quyền từ tay Nhật và chính phủ Trần Trọng Kim ở những vùng Công giáo (Nguyễn Quang Hưng, 2002: 28).

³ Nhà thờ Chính tòa của Tổng giáo phận thành phố Hà Nội.

Vai trò của một số cá nhân Công giáo tiêu biểu

Có khá nhiều cá nhân Công giáo đã tích cực đóng góp cho phong trào cách mạng Việt Nam nói chung, Cách mạng tháng Tám năm 1945 nói riêng. Một trong số đó là Linh mục Phạm Bá Trục (1898-1954). Linh mục là người đã kiên quyết lựa chọn con đường đồng hành với Thiên Chúa và Tổ quốc: “hết lòng, hết sức dấn thân cho cách mạng, cho mặt trận, cho đồng bào nhưng vẫn một lòng trung thành tuyệt đối với Thiên Chúa. Linh mục Phạm Bá Trục đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính phủ, mặt trận và quốc hội, như phó trưởng ban thường trực Quốc hội, Phó chủ tịch Mặt trận Liên Việt (1951) (Nguyễn Hồng Dương, 2020: 11, 47). Trong giai đoạn 1930-1945, linh mục Phạm Bá Trục vừa làm mục vụ, vừa tích cực tham gia hoạt động cách mạng (Nguyễn Hồng Dương, 2020: 46). Theo Đỗ Quang Hưng, Linh mục Phạm Bá Trục là người tiêu biểu cho khuynh hướng kiên quyết gạt bỏ những “nào trạng”, những mặc cảm trong quá khứ để đi theo, ủng hộ Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống thực dân.

Trong bức thư gửi đồng bào Công giáo, Linh mục Phạm Bá Trục đã viết: “Chúng ta hãy tỏ mình là người Công giáo chính tông: tỏ rõ sự thánh thiện và công chính của Đạo Công giáo là đứng về Chúa, Tổ quốc phải là trên hết, chúng ta hay chứng tỏ mình là người có đạo, người công dân tức là người yêu Tổ quốc và lấy việc làm mà dẫn chứng, tức hãy tham gia vào mọi công việc cứu quốc, kiến quốc và sẵn sàng vì Chúa mà thực hiện các chính sách của Chính phủ kháng chiến do cụ Hồ lãnh đạo. Ta hãy thành thực đoàn kết chặt chẽ cùng toàn dân để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng” (Nguyễn Hồng Dương, 2020: 59).

Đóng góp của linh mục Phạm Bá Trục không chỉ ở những hoạt động cụ thể, ở những vai trò linh mục đã tham gia với cách mạng, mà quan trọng hơn chính là lan toả/thúc đẩy tinh thần yêu nước, vận động đồng bào Công giáo vượt qua những định kiến, thành kiến để đóng góp tích cực cho cách mạng. Linh mục đã góp phần làm sâu sắc nội hàm khái niệm “Kính Chúa yêu nước”. Qua tấm gương và những hành động cụ thể của linh mục, đông đảo đồng bào Công giáo đã tham gia cách mạng, đóng góp cho sự thành công của Cách mạng tháng Tám và sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước sau này. Kính Chúa, yêu nước là một giá trị, một phương châm, đường hướng hành đạo của người Công giáo yêu nước.

Bên cạnh linh mục Phạm Bá Trục, còn có thể nêu ra rất nhiều nhân vật Công giáo khác có đóng góp cho Cách mạng tháng Tám như trường hợp của Linh mục Nguyễn Văn Luận (họ đạo Vĩnh Lạc, Mỹ Đức, Hà Nội) đã dẫn dắt họ đạo theo cách mạng, chỉ huy cuộc đánh chiếm huyện Mỹ Đức trong tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Cụ Ngô Tử Hạ, chủ nhà in Ngô Tử Hạ, một giáo dân Công giáo yêu nước đã ủng hộ Việt Minh hàng tạ chữ chì để in truyền đơn cho cách mạng (dẫn theo Hồ Khang, 2015). Một nhân vật khác nữa đó là ông Nguyễn Mạnh Hà, một bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông Nguyễn Mạnh Hà cũng là người sáng lập ra tổ chức thanh lao công, là một trong những thủ lĩnh của phong trào Công giáo tiến hành, là một trong những người sáng lập liên đoàn Công giáo Việt Nam... có nhiều đóng góp cho cách mạng và chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (dẫn theo Nguyễn Hồng Dương, 2020: 204). Một cá nhân Công giáo khác mà bạn đọc ít được thấy là trường hợp ông Phạm Ngọc Thuần, người mà sau tháng 9/1945 đã trở thành Phó chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ.

Là người Công giáo thuộc gia đình tư sản giàu có ở Nam Kỳ đã nhập quốc tịch Pháp, tham gia phong trào yêu nước từ 1943 trong tổ chức thanh niên tiền phong, ông đã dần trở thành một trong những người lãnh đạo nổi tiếng ở Nam Bộ” (dẫn theo Nguyễn Hồng Dương, 2020: 198).

Trong chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có rất nhiều nhân vật Công giáo được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời tham gia giữ các vị trí quan trọng: Ông Nguyễn Mạnh Hà, Bộ trưởng kinh tế; Ông Ngô Tử Hạ, Chủ tịch Đại hội đồng Quốc hội, tham gia Ban Thường trực Quốc hội khóa I (dẫn theo: Nguyễn Quang Hưng, 2002:33-34), Vũ Đình Hoè, Bộ trưởng Giáo dục; Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Y tế,... Điều đó đã khẳng định vai trò, sự đóng góp của các chức sắc Công giáo đối với đất nước, với dân tộc nói chung và Cách mạng tháng Tám năm 1945 nói riêng.

Trước những đóng góp của đồng bào Công giáo đối với Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cảm ơn, khen ngợi. Ngày 14/10/1945, chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời gửi thư cho đồng bào Công giáo ở Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình cảm ơn những tình cảm và những lời chúc tốt đẹp đối với Chính phủ Cách mạng lâm thời.

3. Bài học lịch sử và ý nghĩa hiện thời

Thứ nhất, bài học về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Sự tham gia sôi nổi của các tổ chức và cá nhân tôn giáo trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 chính là sự phản ánh chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Ngay khi Đảng ra đời, Trung ương Đảng đã có chỉ thị ngày 18/11/1930: “Dần dần cách mạng hoá quần chúng, và *phải đảm bảo tự do tín ngưỡng* (tác giả nhấn mạnh) của quần chúng; đập tan luận điệu phản bác tuyên truyền Cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo” (dẫn theo Huy Thông, 2005: 53). Chương trình Việt Minh cũng ghi rõ: “ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, *tự do tín ngưỡng* (tác giả nhấn mạnh)” (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 1996: 130). Trong số 10 chính sách của Việt Minh có viết: “Hội hè, tín ngưỡng, báo chương, hợp hành đi lại có quyền tự do” (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 1996: 129). Xứ uỷ Nam Bộ đã có chỉ thị: “Thực hiện đầy đủ chính sách đại đoàn kết, gia tăng tinh thần dân tộc và dân chủ của toàn dân. Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, thi hành đúng quyền tự do tín ngưỡng, thu thập họ vào các đoàn thể cứu quốc để kháng chiến” (Bùi Thị Thu Hà, 2002: 42).

Quốc dân Đại hội được triệu tập ở Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 16 đến 17/8/1945 với hơn 60 đại biểu từ ba miền Bắc, Trung, Nam, đại biểu kiều bào ở nước ngoài, đại biểu của các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc và tôn giáo. Đại hội thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, trong số này Điều 5 quy định về *quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*: ban bố những quyền của dân cho dân: Nhân quyền; Tài quyền (quyền sở hữu); Dân quyền: Quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (*tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại*), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền (Đoàn Trung, 2022); Quốc dân Đại hội Tân Trào cho thấy sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo cho phong trào cách mạng chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám, đồng thời, cũng cho thấy chính sách của Việt Nam trong việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Thứ hai, bài học về chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và phát huy vai trò, nguồn lực tôn giáo. Bài học vô cùng quan trọng đó chính là đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, cá nhân tôn giáo trong một mặt trận, xây dựng sự đồng thuận, đồng lòng vì mục tiêu chung. Rõ ràng, ngay từ khi thành lập, Đảng ta đã luôn đoàn kết, tập hợp các lực lượng để cùng nhau đấu tranh cho mục tiêu chung - mục tiêu độc lập dân tộc và hạnh phúc của đồng bào. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần đoàn kết. Ngay trong phiên họp của Chính phủ ngày 03/9/1945, Hồ Chí Minh đã đề nghị *tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết*. Chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo của Đảng không phải là phương thức tập hợp lực lượng, mà đó là hành động thể hiện tinh thần đồng bào, sự gắn kết dựa trên lòng yêu nước của mỗi con người Việt Nam. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy tinh thần yêu nước luôn cháy bỏng trong các tín đồ tôn giáo, chỉ cần có cơ hội, điều kiện và có ngọn cờ chính nghĩa của dân tộc phát lên, thì các tín đồ tôn giáo sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc. Đây chính là sức mạng to lớn, nguồn lực vô tận của các tôn giáo, của các cá nhân chức sắc, tín đồ các tôn giáo mà Đảng ta đã phát huy trong sự nghiệp cách mạng nói chung, Cách mạng tháng Tám năm 1945 nói riêng.

Thứ ba, sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo đối với Cách mạng tháng Tám, nhất là đóng góp của Công giáo đã giúp xóa bỏ định kiến sai lầm về Công giáo. Có thể nói, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã cho thấy quá trình “vượt vũ môn” của đồng bào Công giáo. Đó chính là quá trình vượt qua những định kiến, những nhận thức sáo mòn để hướng tới nhận thức thấu nhận Phúc âm nhưng không cản trở lòng yêu nước (Hồ Khang, 2015). Trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch nhằm chia rẽ tôn giáo, dân tộc như các luận điệu tuyên truyền: Cộng sản chống tôn giáo, cộng sản sẽ xóa bỏ tôn giáo, tôn giáo và Cộng sản không thể đi chung đường, lý tưởng tôn giáo mâu thuẫn với lý tưởng cách mạng... thì sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân Công giáo đối với Cách mạng tháng Tám là sự vượt lên nhận thức và bối cảnh đương thời, do đó sự đóng góp càng trở lên giá trị. Có những nhận định rằng: “... số đông người Công giáo trước năm 1945 luôn bị một mặc cảm của sự “bất trung” và “ngờ vực”: cộng đồng Công giáo thiểu số không chỉ đơn thuần bị buộc tội theo chân một tôn giáo ngoại lai Tây Dương, chống lại hệ thống chính trị Nho giáo chính thống mà còn bị coi là một trong những nguyên nhân mất nước” (Nguyễn Hồng Dương, 2020: 191-192). Qua Cách mạng tháng Tám, người Công giáo Việt Nam không còn bị “mắc kẹt” giữa Thiên Chúa và Tổ quốc. Người Công giáo vừa có thể Kính Chúa, vừa có thể yêu nước. Kính Chúa không ảnh hưởng gì đến yêu nước, yêu nước không ảnh hưởng gì đối với Kính Chúa. Đây là một sự giải tỏa lớn lao trong ý thức bao đời của người Công giáo (Đỗ Quang Hưng, 2003: 100). Đây chính là một trong những thành công của Cách mạng tháng Tám, là bài học lịch sử quan trọng thể hiện vai trò lãnh đạo Đảng, bài học này vẫn được kế thừa, tiếp nối trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo trước hết xuất phát từ lòng yêu nước vốn tiềm ẩn trong mỗi con người Việt Nam; xuất phát từ những giá trị tốt đẹp chứa đựng trong giáo lý, giáo luật, từ hiến chương, điều lệ và phương hướng hành đạo, nhưng đồng thời, xuất phát từ chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo mà Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã chủ trương và thực hiện xuyên suốt, nhất quán. Sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được tiếp nối trong giai đoạn 1946-1954 và

giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Có thể nói, sự đóng góp của tôn giáo giai đoạn này ngày càng sôi nổi, tích cực, có sự tham gia đông đảo các chức sắc và tín đồ các tôn giáo với nhiều nội dung và hình thức phong phú đa dạng. Đây có thể xem là những di sản tinh thần quý giá trong sự nghiệp cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc, phản ánh mối quan hệ giữa tôn giáo với cách mạng, tôn giáo với dân tộc - đó chính là mối quan hệ gắn bó, đồng hành với dân tộc của các tôn giáo ở Việt Nam. Di sản tinh thần quý giá này đã được thử thách, bồi đắp trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, qua các cuộc đấu tranh cách mạng và cứ mỗi một giai đoạn thì giá trị của mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc lại càng được khẳng định, càng sâu sắc hơn.

Thứ năm, trong giai đoạn hiện nay, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 về mối quan hệ giữa tôn giáo và cách mạng, tôn giáo và dân tộc vẫn được kế thừa, phát triển. Đó chính là nhận rõ vai trò, đóng góp, sức mạnh, nguồn lực của tôn giáo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Chính vì vậy, hiện nay các tôn giáo đều xác định phương châm, đường hướng hành đạo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Đối với Phật giáo: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”; với Công giáo: “Sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”; Tin Lành: Sống phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc; với Cao Đài: “Nước vinh đạo sáng”; với Phật giáo Hoà Hảo: “Vi đạo pháp, vi dân tộc”; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam: “Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân”; Islam giáo (Hồi giáo) với “Lễ sống tốt đạo, đẹp đời”; Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với “Hành Tứ Ân - Sống Hiếu nghĩa - Vì đại đoàn kết dân tộc”... Các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay vẫn luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc, tham gia tích cực và đóng góp có hiệu quả trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Cho dù bối cảnh xã hội hiện nay với bối cảnh của Cách mạng tháng Tám rất khác nhau, nhưng vai trò, đóng góp, giá trị, nguồn lực tôn giáo vẫn luôn sẵn có, chỉ cần có chính sách đúng đắn là có thể phát huy giá trị và nguồn lực tôn giáo cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Kết luận

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện lịch sử mang nhiều ý nghĩa, mang lại độc lập dân tộc, tự do, mang lại quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Bên cạnh đó, Cách mạng tháng Tám là cơ hội để các tổ chức và cá nhân tôn giáo tập hợp, thể hiện lòng yêu nước của mình, nâng tầm ý nghĩa khái niệm *tôn giáo gắn bó đồng hành cùng dân tộc*. Đối với riêng Công giáo, Cách mạng tháng Tám đã tạo bước chuyển biến trong nhận thức của người Công giáo, giúp họ vượt qua những mặc cảm, định kiến và đặc biệt là âm mưu chia rẽ của kẻ địch để định hình một lối sống, một con đường, một giá trị “Kính Chúa yêu nước”.

Có thể nói, Cách mạng tháng Tám thành công có sự hội tụ của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có yếu tố của bối cảnh quốc tế, sự lãnh đạo tài tình của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự trưởng thành và chuẩn bị lâu dài của lực lượng cách mạng, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc,... Trong đó, không thể không nhắc đến sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi có phần đóng góp của đồng bào các tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo (Bùi Thị Thu Hà, 2002: 42),... Đây là sự thực lịch sử, bài học quý giá, là di sản tinh thần

trong mối quan hệ giữa tôn giáo và cách mạng, tôn giáo và dân tộc, cần tiếp tục kế thừa, phát huy trong giai đoạn hiện nay.

Do hạn chế về nguồn tư liệu, bài viết này mới chỉ đề cập một cách khái lược một số đóng góp của Phật giáo, Công giáo thông qua các tổ chức và cá nhân tôn giáo. Chắc chắn, vẫn còn các tổ chức và cá nhân tôn giáo khác có nhiều đóng góp nhưng chưa được đề cập ở đây. Tác giả bài viết hy vọng có dịp để bổ khuyết cho nghiên cứu này, góp phần mang lại nhận thức đầy đủ hơn về những đóng góp của các tổ chức và cá nhân đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên, 2020), *Linh mục Phạm Bá Trức và đường hướng Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Lê Tâm Đắc (2008), “Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr.12-18.
3. Ngô Quốc Đông (2022), *Tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của các tôn giáo ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp Nhiệm vụ cấp bộ, Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.
4. Bùi Thị Thu Hà (2002), “Những đóng góp của tín đồ Phật giáo Hoà Hảo trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr.41-49.
5. Đỗ Quang Hưng (2003), “Cách mạng và tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, tr. 3-16.
6. Đỗ Quang Hưng (Chủ biên, 2003), *Nhà nước và giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Đỗ Quang Hưng (2010), “Công giáo và cách mạng (1945-1954): bài học lịch sử và ý nghĩa của nó”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 3-13.
8. Nguyễn Quang Hưng (2002), “Người Công giáo Việt Nam trong những tháng đầu sau Cách mạng tháng Tám”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 28-34.
9. Hồ Khang (2015), *Đồng bào Công giáo Việt Nam với Cách mạng tháng Tám 1945*, <https://www.researchgate.net/publication>, ngày đăng tải 8/2015, ngày truy cập 15/9/2025.
10. Thích Thọ Lạc, Chu Văn Tuấn (Đồng chủ biên, 2022), *Bác Hồ với Phật giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Toàn tập (1,2,3), Nxb. Công ty sách thời đại và Nxb. Văn học, Hà Nội.
12. Trương Quế Phương (2002), “Người Công giáo Nghệ - Tĩnh với dân tộc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 57-62.

13. Phạm Huy Thông (2005), “Tổ chức yêu nước của người Công giáo Việt Nam - 50 năm xây dựng và trưởng thành”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 52-59.
14. Thích Huệ Thông (2019), *Lược sử Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Văn hoá văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Đoàn Trung (2022), *Ngày 16-8-1945: Quốc dân Đại hội Tân Trào, tiền thân của Quốc hội Việt Nam đã được triệu tập tại Tân Trào*, <https://www.qdnd.vn/tu-lieu-ho-so/ngay-nay-nam-xua/ngay-16-8-1945-quoc-dan-dai-hoi-tan-trao-tien-than-cua-quoc-hoi-viet-nam-da-duoc-trieu-tap-tai-tan-trao-700338>, ngày đăng tải 16/8/2022, ngày truy cập 15/9/2025.
17. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1996), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

CONTRIBUTIONS OF BUDDHISM AND CATHOLICISM TO VIETNAM'S AUGUST REVOLUTION OF 1945: HISTORICAL LESSONS AND CONTEMPORARY SIGNIFICANCE

Chu Van Tuan

*Institute of Sociology and Psychology
Vietnam Academy of Social Sciences*

Based on documentary research, this article presents the contributions of certain Buddhist and Catholic organizations and individuals to Vietnam's August Revolution of 1945. From these historical accounts, the study draws lessons with both historical and contemporary relevance, including respect for and protection of religious freedom, promotion of inter-religious and national solidarity, and the mobilization of religious roles, values, and resources. The support and contributions of religious communities played a significant role in the success of the August Revolution, offering important historical lessons. These lessons remain highly relevant today, as Vietnam enters a new phase of development where all societal resources, including those of religious communities, are essential for national progress.

Keywords: Religion resources, contributions, August Revolution, historical lessons, contemporary significance, Vietnam.